

Số: 4327/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 23 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch triển khai xây dựng
Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2014 trên địa bàn tỉnh (lần 3)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 01/9/2011 của UBND tỉnh Bình Định về Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2012 ÷ 2015 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 07/4/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2014 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 28/8/2011 và Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2014 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 3118/TTr-SGTVT ngày 17/12/2014 về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch Bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2014 trên địa bàn tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2014 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Bảng tổng hợp điều chỉnh, bổ sung khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng đường GTNT loại B

TT	Địa phương	Chiều dài (km)		Lượng XM hỗ trợ (167 tấn/km)	Ghi chú
		Đã duyet	Điều chỉnh, bổ sung		
01	Hoài Nhơn	64,423	63,881	10.668,127	Điều chỉnh, bổ sung
02	An Lão	13,616	8,002	1.336,334	Điều chỉnh, bổ sung
03	Hoài Ân	38,041	20,156	3.366,052	Điều chỉnh, bổ sung
04	Phù Mỹ	44,093	42,684	7.128,228	Điều chỉnh, bổ sung
05	Phù Cát	66,009	44,145	7.372,215	Điều chỉnh, bổ sung
06	Tây Sơn	29,995	27,697	4.625,399	Điều chỉnh, bổ sung
07	Vĩnh Thạnh	26,464	26,464	4.419,488	Giữ nguyên

08	An Nhơn	57,857	56,330	9.407,110	Điều chỉnh, bổ sung
09	Tuy Phước	25,869	25,869	4.320,123	Giữ nguyên
10	Vân Canh	9,807	4,914	820,638	Điều chỉnh, bổ sung
11	Quy Nhơn	0,654	0,654	109,218	Giữ nguyên
Tổng cộng		376,828	320,796	53.572,932	

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Bảng tổng hợp điều chỉnh, bổ sung khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng đường GTNT loại C năm

TT	Địa phương	Chiều dài (km)		Lượng XM hỗ trợ (87,25 tấn/km)	Ghi chú
		Đã duyet	Điều chỉnh, bổ sung		
01	Hoài Nhơn		0,541	47,202	Điều chỉnh, bổ sung
02	An Lão	0,7	0	0	Cắt giảm
03	Hoài Ân	45,495	43,391	3.785,865	Điều chỉnh, bổ sung
04	Tây Sơn	15,005	14,128	1.232,668	Điều chỉnh, bổ sung
05	An Nhơn	0,934	2,418	210,971	Điều chỉnh, bổ sung
06	Tuy Phước	15,604	15,604	1.361,449	Giữ nguyên
Tổng cộng		77,738	76,082	6.638,155	

(Chi tiết có các Phụ lục kèm theo)

3. Các nội dung khác không điều chỉnh trong Quyết định này vẫn thực hiện theo các Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 07/4/2014, Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 và Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 07/4/2011, Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 28/8/2011 và Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Hoài Nhơn, An Lão, Hoài Ân, Phù Mỹ, Tây Sơn, Vân Canh, Phù Cát, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *ql*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cty Constrexim BD;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K17, K19.(M.26b) *ql*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Cao Thắng
Phan Cao Thắng